

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023

- Thực hiện Kế hoạch số 11780/KH-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2022-2023

- Căn cứ quyết định số 149/QĐ-SGDĐT, ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2021- 2022 đối với các trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

- Căn cứ quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar về phân tuyển tuyển sinh cho các trường THPT, TTGDNN-GDTX trên địa bàn huyện Ea Kar năm học 2022-2023.

- Thực hiện Công văn số 619/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Sở GD&ĐT về việc rà soát, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện CTGDPT 2018 đối với cấp THPT năm học 2022 – 2023; Công văn số 721/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2022 – 2023.

Căn cứ vào thực tế về đội ngũ giáo viên, điều kiện CSVC của trường trong năm học 2021 – 2022. Trường THPT Võ Nguyên Giáp xây dựng Kế hoạch tuyển sinh và định hướng tư vấn lựa chọn tổ hợp môn cho việc thực hiện chương trình lớp 10 năm học 2022 – 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tuyển sinh học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) vào học trung học phổ thông (THPT).

1.2. Thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong trường THPT.

2. Yêu cầu

2.1. Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT; kết quả tuyển sinh phải đảm bảo chính xác, công bằng và khách quan.

2.2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, xử lý dữ liệu và lưu trữ hồ sơ tuyển sinh; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học, được sự đồng thuận cao của cha mẹ học sinh và toàn xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh được giao năm học 2022-2023 là: **210** học sinh với **05** lớp 10

1.2. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển (xét theo kết quả học tập và hạnh kiểm 4 năm học THCS). Cụ thể:

a) Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh THCS được tính như sau:

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9,0 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8,0 điểm.
- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7,0 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6,0 điểm.
- Các trường hợp còn lại: 5,0 điểm.

b) Điểm xét tuyển là tổng điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở THCS và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên.

c) Nguyên tắc xét tuyển: Xét theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm trung bình các môn học cả

năm ở lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của môn Toán, môn Ngữ văn và môn Tiếng Anh cả năm ở lớp 9 cao hơn. Nếu vẫn còn trường hợp bằng điểm nhau thì Hội đồng tuyển sinh nhà trường thảo luận để thống nhất quyết định.

2. Địa bàn và tuyển tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp THCS chương trình phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên trong độ tuổi quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn huyện Ea Kar gồm: Trường THCS Phan Đình Phùng; Trường THCS Phạm Hồng Thái; Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm; Trường THCS Trần Phú; THCS Phan Chu Trinh (*kèm theo quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar về phân tuyển tuyển sinh cho các trường THPT, TTGDNN-GDTC trên địa bàn huyện Ea Kar năm học 2022-2023*)

3. Hồ sơ tuyển sinh

3.1. Hồ sơ tuyển sinh bao gồm:

- a) Đơn đăng ký dự tuyển: Do Sở GDĐT phát hành thống nhất trong toàn tỉnh.
- b) Bản sao giấy khai sinh.
- c) Bằng tốt nghiệp THCS hoặc bản chính giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời chương trình phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THCS.
- d) Học bạ THCS.
- e) Sổ hộ khẩu.
- f) Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- g) 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm (kiểu ảnh chứng minh nhân dân).

3.2. Quy trình nộp và tiếp nhận hồ sơ

- a) Học sinh đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Trung tâm hành chính công tỉnh Đắk Lắk trong khoảng thời gian quy định. Cụ thể như sau:
 - Tải và điền mẫu đơn đăng ký dự tuyển;
 - Điền thông tin đăng ký và nộp hồ sơ trên phần mềm trực tuyến gồm: Bản chụp các loại hồ sơ (học bạ chỉ cần bản chụp của 4 năm THCS; sổ hộ khẩu chỉ cần bản chụp của trang bìa và trang cá nhân học sinh đăng ký dự tuyển).

b) Hội đồng tuyển sinh kiểm tra hồ sơ trên hệ thống; thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ cho thí sinh thông qua thư điện tử mà thí sinh đã đăng ký để xác nhận đủ điều kiện dự tuyển hoặc cần phải điều chỉnh, bổ sung.

c) Thí sinh chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin đã khai báo.

4. Kế hoạch thời gian tuyển sinh

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
1	Trước 19/5/2022	Công bố kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023	
2	Từ 30/5/2022 đến 03/7/2022	Học sinh nộp hồ sơ tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến	
3	Từ 04/7/2022 đến 06/7/2022	Hội đồng tuyển sinh tiến hành: kiểm tra, đối chiếu dữ liệu với hồ sơ trên hệ thống; thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ, dữ liệu cho thí sinh thông qua thư điện tử/tin nhắn SMS....	
4	Từ 08/7/2022 đến 10/7/2022	Thí sinh bổ sung hồ sơ trên hệ thống	
5	Từ 11/7/2022 đến 15/7/2022	Hội đồng tuyển sinh: Tổ chức xét tuyển, dự kiến số lượng và điểm chuẩn trúng tuyển, nộp hồ sơ xét tuyển về Sở GDĐT để duyệt.	
6	Từ 20/7/2022 đến 30/7/2022	Công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2022-2023, trả hồ sơ cho học sinh không trúng tuyển.	

5. Chế độ tuyển thẳng

Học sinh tuyển thẳng theo địa bàn phân tuyến tuyển sinh gồm các đối tượng:

- Học sinh trường phổ thông DTNT đã tốt nghiệp THCS.
- Học sinh là người dân tộc rất ít người (thực hiện theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít

người; gồm 16 dân tộc: Công, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chút, Ở Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ).

- Học sinh khuyết tật (có giấy chứng nhận khuyết tật theo Điều 19 của Luật Người khuyết tật).

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học.

6. Chế độ ưu tiên

a) Chế độ cộng điểm ưu tiên thực hiện cho các loại đối tượng căn cứ vào khoản 2, Điều 7 của Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 được quy định như sau: Nhóm đối tượng 1 cộng 2,0 điểm; Nhóm đối tượng 2 cộng 1,5 điểm và Nhóm đối tượng 3 cộng 1,0 điểm.

b) Đối với quy định người học đang sinh sống, học tập ở các vùng (xã, thôn) có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nếu tại địa bàn sinh sống không có trường THCS, học sinh phải học tập ở địa bàn khác thì vẫn hưởng chế độ ưu tiên. Xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan của UBND tỉnh.

c) Những học sinh có nhiều chế độ ưu tiên khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại ưu tiên cao nhất.

7. Nội dung chương trình và kế hoạch giáo dục cấp THPT năm 2018

7.1. Nội dung giáo dục

a) Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:

Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; GD thể chất; GDQP và AN; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

b) Các môn học lựa chọn gồm 3 nhóm môn:

Nhóm môn khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, GD kinh tế và pháp luật.

Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hoá học, Sinh học.

Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật).

Học sinh lựa chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học trên, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn học.

c) Các chuyên đề học tập:

Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho học sinh trung học phổ thông, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi tổ hợp học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Việc xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

7.2. Thời lượng giáo dục

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc (5)	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Ngoại ngữ 1	105
	Giáo dục thể chất	70
	GDQP và AN	35
Môn học lựa chọn (từ 3 nhóm)		
Nhóm môn khoa học	Lịch sử	70

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Xã hội (3 môn)	Địa lí	70
	GD kinh tế và pháp luật	70
Nhóm môn khoa học tự nhiên (3 môn)	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật (4 môn)	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Âm nhạc	70
	Mĩ thuật	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)		105
Hoạt động GD bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, HN	105
Nội dung GD bắt buộc của địa phương		35
Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
Tổng số tiết học/năm học (trừ các môn học tự chọn)		1015
Số tiết học TB/tuần (không kể các môn học tự chọn)		29

8. Dự kiến số lớp theo các tổ hợp môn lựa chọn, chuyên đề học tập

TT	Tổ hợp môn lựa chọn	Số lớp dự kiến	Số lượng học sinh tối đa	Chuyên đề học tập	Phương án tuyển sinh xếp lớp
1	- Vật lí, Hóa học, Sinh học. - GDKTPL. - Tin học.	1	42	Toán; Vật lí; Hóa học	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
2	- Vật lý. - Lịch Sử, Địa lí, GDKTPL. - Tin học (TH ứng dụng).	1	42	Ngữ văn; Lịch Sử; Địa lí.	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
3	- Vật lý; Hóa học. - Địa lý; GDKTPL. - Tin học.	1	42	Toán; Vật lý; Ngữ văn.	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
4	- Hóa học. - Địa lý; Lịch sử. - Tin học, Công nghệ.	1	42	Toán; Ngữ văn; Địa lý;	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
5	- Hóa học; Sinh vật. - Lịch sử; Địa lý. - Tin học.	1	42	Toán; Ngữ văn; Sinh học;	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.

9. Cách tổ chức lớp học

Mỗi học sinh đăng ký tối đa 3 nguyện vọng (NV1, NV2, NV3) về việc chọn tổ hợp môn học. Tùy theo điều kiện thực tế đăng kí, việc bố trí lớp học theo tổ hợp môn có thể có những sự điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và nguồn lực của nhà trường, đảm bảo tạo thuận lợi nhất cho học sinh và nhà trường để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2022 – 2023.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hội đồng tuyển sinh lớp 10 Trường THPT Võ Nguyên Giáp năm học 2022 – 2023 có trách nhiệm tuyên truyền phổ biến kế hoạch tuyển sinh đến toàn thể đối tượng tuyển

sinh trong tuyển tuyển sinh. Thực hiện đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Đắk Lắk, sở GDĐT và của huyện Ea Kar.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh và định hướng tư vấn lựa chọn tổ hợp môn cho việc thực hiện chương trình lớp 10 năm học 2022 – 2023 của trường THPT Võ Nguyên Giáp. Một số nội dung của kế hoạch có thể được điều chỉnh để phù hợp với nguyện vọng của học sinh sau khi trúng tuyển vào lớp 10 của trường.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì liên hệ với Hội đồng tuyển sinh của Trường THPT Võ Nguyên Giáp theo số điện thoại 02623 602 788 để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT (b/c);
- Phòng GDĐT huyện Ea Kar (b/c);
- Các trường THCS (phối hợp);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tiên Dũng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH